

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2022/DS-ST
Ngày: 27/9/2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đoàn Thị Huệ

Ông Lưu Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2022/TLST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2022 về “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Tố Q**, sinh năm 1987

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Chị **Huỳnh Ngọc T**, sinh năm 1978 và anh **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp K, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Lâm Văn H**, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp M, xã V, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của anh H: Chị **Huỳnh Tố Q**, sinh năm 1987, theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2022

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Tô Q trình bày: Chị có làm chủ một số dây hội ở địa phương, trong đó chị Huỳnh Ngọc T có tham gia chơi hội, đã hốt hội và còn nợ lại chị tiền hội, cụ thể như sau:

Dây hội tháng 5.000.000đồng, mở hội ngày 20/11/2019 âm lịch, có 24 hội viên, chị T là người hốt lần thứ 2. Sau khi hốt hội xong còn lại 14 lần chưa đóng, còn nợ chị số tiền 70.000.000đồng.

Dây hội tháng 3.000.000đồng, mở hội ngày 15/02/2020 âm lịch, có 30 hội viên, chị T tham gia 2 chân (một chân hốt đầu tiên và một chân hốt lần thứ ba). Sau khi hốt hội xong còn lại 23 lần chưa đóng, còn nợ chị số tiền 138.000.000đồng.

Dây hội tháng 3.000.000đồng, mở hội ngày 05/4/2020 âm lịch, có 25 hội viên, chị T tham gia 1 chân, hốt lần thứ hai. Sau khi hốt hội xong còn lại 21 lần chưa đóng, còn nợ chị số tiền 63.000.000đồng.

Hội ngày 120.000đồng/ngày, mở hội ngày 19/8/2020 âm lịch, có 50 hội viên, chị T tham gia 5 chân, chị T hốt hết 5 chân, chị T hốt lần đầu tiên và chỉ đóng lại được 9 ngày, còn nợ lại 41 lần số tiền là 24.600.000đồng.

Các dây hội này đã kết thúc, tổng số tiền hội chị T còn nợ chị là 295.600.000đồng. Anh D là chồng chị T, không có trực tiếp tham gia chơi hội nhưng khi chị T chơi hội anh D có biết. Khi chị T vỡ hội, anh D cũng nhận trách nhiệm cùng chị T trả nợ. Nay chị khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh D trả cho chị tiền hội tổng cộng là 295.600.000đồng. Ngoài ra chị không còn yêu cầu nào khác.

* Bị đơn chị Huỳnh Ngọc T trình bày: Chị thừa nhận có tham gia chơi hội và còn nợ chị Q dây hội ngày 20/11/2019 âm lịch còn nợ 70.000.000đồng; dây hội mở hội ngày 15/02/2020 âm lịch còn nợ 138.000.000đồng; dây hội ngày 05/4/2020 âm lịch còn nợ 63.000.000đồng; dây hội ngày 19/8/2020 âm lịch còn nợ 24.600.000đồng. Chị và chị Q đã đối chiếu chị còn nợ hội chị Q tổng cộng là 295.600.000đồng.

Hiện nay hoàn cảnh gia đình chị khó khăn, không có tài sản, chị đang đối mặt với án phạt tù nên chị xin chị Q cho trả dần, chồng chị là anh D ở nhà mỗi

tháng trả 3.000.000đồng. Khi nào chấp hành xong án có điều kiện chị sẽ trả nhiều hơn.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh không có tham gia góp hụi của chị Q. Tuy nhiên, vợ anh là Huỳnh Ngọc T thừa nhận nợ thì anh cũng nhận trách nhiệm cùng liên đới với vợ trả phần còn nợ cho chị Q. Khi vợ anh vỡ hụi thì anh cũng nhận trách nhiệm cùng vợ trả, nếu sau này vợ phải đi chấp hành án phạt tù thì anh ở nhà vẫn nhận trách nhiệm trả nợ cùng vợ. Hiện nay hoàn cảnh gia đình anh khó khăn, không có tài sản nên xin chị Q cho trả dần mỗi tháng 3.000.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền 295.600.000đồng. Khi nào có điều kiện anh sẽ trả nhiều hơn.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lâm Văn H thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị Q.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Q yêu cầu vợ chồng chị T, anh D trả số tiền hụi còn nợ là 295.600.000đồng; chỉ đồng ý cho vợ chồng chị T trả dần mỗi tháng 6.000.000đồng cho đến khi hết nợ. Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn chị T, anh D xin chị Q cho trả dần mỗi tháng 4.500.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền 295.600.000đồng.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Huỳnh Tố Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Huỳnh Ngọc T, anh Nguyễn Văn D trả tiền nợ hụi hai bên thỏa thuận với nhau. Do đó theo Điều 471 Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật trong vụ án này là “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

[2] Chị Q khởi kiện cho rằng vợ chồng chị T, anh D có nợ tiền hụi của chị tổng cộng số tiền là 295.600.000đồng, chị đã yêu cầu nhiều lần nhưng đến nay vợ chồng chị T, anh D chưa trả.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự về nghĩa vụ chứng minh, lời khai của các đương sự tại biên bản hòa giải ngày 09/8/2022 và lời trình bày tại phiên tòa sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận chị Huỳnh Ngọc T tham gia chơi hụi và hiện nay còn nợ tiền hụi của chị Q, cụ thể như sau: dây hụi ngày 20/11/2019 âm lịch còn nợ 70.000.000đồng; dây hụi ngày 15/02/2020 âm lịch còn nợ 138.000.000đồng; dây hụi ngày 05/4/2020 âm lịch còn nợ 63.000.000đồng; dây hụi ngày 19/8/2020 âm lịch còn nợ 24.600.000đồng (bút lục 43, 44). Tổng cộng chị T còn nợ chị Q tiền hụi là 295.600.000đồng. Đây là những tình tiết, sự kiện được các đương sự thừa nhận, không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy yêu cầu này của chị Q là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ, chị Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị T, anh D cùng có trách nhiệm trả nợ. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị T và anh D cùng thống nhất nhận trách nhiệm trả khoản nợ nêu trên cho chị Q. Do đó, buộc chị T, anh D có nghĩa vụ trả cho chị Q số tiền là 295.600.000đồng.

[4] Đối với ý kiến cũng như yêu cầu của vợ chồng chị T, anh D xin trả dần mỗi tháng 4.500.000đồng cho đến khi trả đủ số tiền 295.600.000đồng do hoàn cảnh khó khăn. Tuy nhiên chị Q không đồng ý cho trả dần mỗi tháng 4.500.000đồng. Hội đồng xét xử đã giải thích, động viên hai bên đương sự thương lượng, thỏa thuận nhưng không thống nhất được với nhau. Mặt khác, theo quy định Tòa án không ấn định trong bản án, quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án. Do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận ý kiến của chị T, anh D xin trả dần. Trường hợp chị T, anh D thực sự khó khăn, không có khả năng trả một lần thì có thể làm đơn đề cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

[5] Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị án nên chấp nhận ý kiến đề xuất của Kiểm sát viên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị T, anh D có nghĩa vụ trả cho chị Q số tiền là 295.600.000đồng.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Chị T, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $295.600.000\text{đồng} \times 5\% = 14.780.000\text{đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ, họ, họ;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc chị Huỳnh Ngọc T và anh Nguyễn Văn D có nghĩa vụ trả cho chị Huỳnh Tố Q số tiền họ là 295.600.000đồng (hai trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm:

Chị T, anh D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 14.780.000đồng (mười bốn triệu bảy trăm tám chục nghìn đồng).

Chị Q được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.390.000đồng (bảy triệu ba trăm chín chục nghìn đồng) theo lai thu số 0005353 ngày 22/4/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh